

Số: 66/2003/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 5 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành Quy định trình tự đầu tư và xây dựng
thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999, Nghị định 12/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 và Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 88/1999/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 1999 và Nghị định 14/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế và sửa đổi, bổ sung Quy chế đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/1999/TT-BKH ngày 21 tháng 11 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổng mức đầu tư, hồ sơ thẩm định dự án và báo cáo đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 70/2000/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư;

Thực hiện Thông báo số 107-TB/TU ngày 08 tháng 6 năm 2000 của Tỉnh ủy về kết luận hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (kỳ họp 76);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh Tuyên Quang; tại Tờ trình số 110/TT-LN ngày 23 tháng 5 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự đầu tư và xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 406/2002/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 2002 của tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự đầu tư và xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn xây dựng về khảo sát thiết kế, các đơn vị tư vấn xây dựng về giám sát kỹ thuật thi công và các đơn vị thi công xây lắp có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2003.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hà Phúc Mịch

QUY ĐỊNH

Trình tự đầu tư và xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2003/QĐ-UB
ngày 23 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này áp dụng đối với tất cả công trình xây dựng thuộc các Dự án đầu tư được đầu tư bằng mọi nguồn vốn (trừ vốn chương trình 135 và vốn dự án RIDP có quy định riêng) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn xây dựng về khảo sát thiết kế, đơn vị tư vấn xây dựng về giám sát kỹ thuật thi công, đơn vị thi công xây lắp và các ngành chức năng của tỉnh có liên quan phải thực hiện đúng các Điều trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999, Nghị định 12/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 và Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003; Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 và Nghị định 14/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương và các văn bản quy định cụ thể của UBND tỉnh về quản lý đầu tư và xây dựng, thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chương II

**TRÌNH TỰ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

Điều 3. Kế hoạch đầu tư và giám sát, đánh giá đầu tư.

1. Về kế hoạch đầu tư:

1.1- Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và nhu cầu xây dựng hàng năm của tỉnh; các cơ quan, đơn vị, ngành, đoàn thể, huyện, thị xã, lập kế hoạch đầu tư các công trình xây dựng thuộc các Dự án đầu tư, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh vào thời điểm cuối tháng 9 trước năm kế hoạch, để xét duyệt bố trí kế hoạch đầu tư và xây dựng cho năm sau.

1.2- Kế hoạch đầu tư và xây dựng hàng năm gồm 2 phần:

a) Phần 1: Kế hoạch đầu tư và xây dựng trong năm chỉ được ghi vốn cho các công trình xây dựng đã có Dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán được người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phần 2: Kế hoạch chuẩn bị đầu tư để chuẩn bị cho kế hoạch năm sau.

2. Về giám sát, đánh giá đầu tư:

2.1- Đối tượng giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư là hoạt động đầu tư của tất cả các thành phần kinh tế trong nền kinh tế của từng ngành lĩnh vực kinh tế, địa phương hoặc vùng lãnh thổ. Tất cả các dự án đầu tư do người có thẩm quyền quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đều phải chịu sự giám sát, đánh giá đầu tư.

2.2- Giám sát, đánh giá các hoạt động đầu tư của nền kinh tế quốc dân, ngành, lĩnh vực, địa phương gọi là giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư. Giám sát, đánh giá các dự án đầu tư do người có thẩm quyền cho phép đầu tư hoặc quyết định đầu tư gọi là giám sát, đánh giá dự án đầu tư.

2.3- Công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải thực hiện đúng Điều 20 trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ, Chỉ thị 08/2002/CT-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác giám định đầu tư và thực hiện đúng nội dung Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

2.4- Giao cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh và hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo đúng nội dung Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chuẩn bị đầu tư.

1. Chủ trương đầu tư xây dựng:

1.1- Căn cứ vào kế hoạch đầu tư và xây dựng hàng năm được duyệt, các chủ đầu tư có trách nhiệm lập Tờ trình xin chủ trương đầu tư xây dựng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và trình UBND tỉnh duyệt. Khi lập Tờ trình xin chủ trương đầu tư xây dựng phải đảm bảo đủ các nội dung sau: Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng, tên Dự án đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô xây dựng, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện đầu tư và các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

1.2- Nội dung chủ trương đầu tư xây dựng do người có thẩm quyền quyết định đầu tư duyệt.

1.3- Việc thông báo chủ trương đầu tư xây dựng phải hoàn thành trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày ký duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng hàng năm.

2. Lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư:

2.1- Lập Dự án đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư xây dựng được duyệt, chủ đầu tư tiến hành lập Dự án đầu tư. Khi lập Dự án đầu tư thực hiện theo các Điều đã ghi trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999, Nghị định 12/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 và Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ; Thông tư số 06/1999/TT-BKH ngày 24 tháng 11 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổng mức đầu tư, hồ sơ thẩm định dự án và báo cáo đầu tư.

b) Các Dự án chỉ cần lập báo cáo đầu tư thiết kế và dự toán bao gồm:

- Các Dự án có mức vốn đầu tư nhỏ, dưới 3 tỷ đồng.

- Các Dự án sửa chữa, bảo trì sử dụng vốn sự nghiệp.

- Các Dự án hạ tầng xã hội quy mô nhỏ (dự án nhóm C) sử dụng vốn ngân sách (không nhằm mục đích kinh doanh) phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và được cấp có thẩm quyền quyết định duyệt chủ trương đầu tư.

- Nội dung báo cáo đầu tư thực hiện theo Thông tư số 06/1999/TT-BKH ngày 24 tháng 11 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổng mức đầu tư, hồ sơ thẩm định dự án và báo cáo đầu tư.

c) Các dự án đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị lẻ không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi mà chỉ lập báo cáo đầu tư và dự toán chi phí.

d) Đối với dự án nhóm B và C, chủ đầu tư phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi, trường hợp phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì được ghi trong thông báo duyệt chủ trương đầu tư xây dựng.

đ) Khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi phải có các phương án trình duyệt, để chọn phương án tối ưu nhất.

e) Khi lập tổng mức vốn đầu tư trong dự án đầu tư phải xác định đủ những chi phí cho: Xây lắp, trang thiết bị, đền bù thiệt hại (nếu có), kiến thiết cơ bản khác và dự phòng.

g) Chủ đầu tư phải lập đủ 09 bộ hồ sơ dự án đầu tư có giá trị như nhau để trình tổ chức thẩm định và phê duyệt.

2.2- Thẩm định Dự án đầu tư:

a) Các chủ đầu tư có Dự án đầu tư xây dựng khi trình duyệt phải nộp đơn đến Văn phòng UBND tỉnh đúng số lượng là 09 bộ hồ sơ và được niêm phong từng bộ theo đúng quy định hiện hành.

b) Cơ quan tổ chức thẩm định Dự án đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư. Khi tổ chức thẩm định dự án đầu tư yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư phải lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính - Vật giá, Sở Xây dựng, các Sở có xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan đến dự án.

Sau thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phải tổ chức thẩm định Dự án đầu tư xây dựng. Nếu không đủ thủ tục, nội dung Dự án chưa đạt yêu cầu thì phải có văn bản nêu rõ nội dung chưa đạt để trả lại nơi nhận, chuyển cho chủ đầu tư bổ sung và chỉnh sửa (Nếu Dự án nào quá 3 lần trả lại để chỉnh sửa thì không được tiếp tục thẩm định). Văn bản trả lại phải gửi UBND tỉnh để báo cáo.

c) Nội dung thẩm định Dự án đầu tư thực hiện theo đúng các Điều trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999, Nghị định 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ; Thông tư số 06/1999/TT-BKH ngày 24 tháng 10 năm 1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổng mức đầu tư, hồ sơ thẩm định dự án và báo cáo đầu tư.

d) Thời gian phê duyệt các Dự án đầu tư kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 5 ngày làm việc phải được phê duyệt.

đ) Nếu xét thấy cần thiết người có thẩm quyền quyết định đầu tư sẽ chủ trì tổ chức thẩm định lại các Dự án đầu tư đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, trước khi phê duyệt.

2.3- Người có thẩm quyền quyết định đầu tư sẽ phê duyệt Dự án đầu tư.

3. Lập, thẩm định và phê duyệt tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng các dự án đầu tư:

3.1- Các chủ đầu tư có dự án đầu tư xây dựng đều phải tiến hành lập tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng, với nội dung cụ thể sau:

a) Lập bản đồ hiện trạng xác định đầy đủ các công trình kiến trúc đã xây dựng của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hiện có trên đất để quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư.

b) Lập bản đồ tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư, được bố trí đầy đủ các hạng mục công trình và phải xác định chính xác diện tích các loại đất, tài sản (vật kiến trúc), cây cối và hoa màu của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng.

3.2- Về thẩm định và phê duyệt tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và các quy định cụ thể của UBND tỉnh.

4. Lập, thẩm định và phê duyệt đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư:

4.1- Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nếu có đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng, đều phải thực hiện theo đúng trình tự quy định tại Quyết định số 65/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quy trình thực hiện đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.2- Khi phê duyệt dự toán đền bù thiệt hại đồng thời với việc phê duyệt thu hồi và giao đất. Chi trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán, khi đã thực hiện xong việc đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng.

5. Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán:

5.1- Về trình tự thiết kế: Đối với công trình xây dựng có yêu cầu kỹ thuật cao, địa chất phức tạp thì phải thực hiện theo trình tự (Thiết kế sơ bộ - thiết kế kỹ thuật - thiết kế bản vẽ thi công).

Đối với công trình xây dựng có kỹ thuật đơn giản hoặc đã có thiết kế mẫu, xử lý nền móng không phức tạp thì phải thực hiện theo trình tự (Thiết kế sơ bộ - thiết kế kỹ thuật thi công).

5.2- Căn cứ vào nội dung quyết định phê duyệt dự án đầu tư của người có thẩm quyền, chủ đầu tư tiến hành lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán. Khi lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán được thực hiện theo Điều 36 trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ và các Điều trong Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 2 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán được lập thành 09 bộ có giá trị như nhau.

5.3- Thẩm định thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán đối với các công trình xây dựng thuộc các dự án đầu tư do UBND tỉnh quản lý và phê duyệt, được thực hiện cụ thể như sau:

a) Chủ đầu tư có công trình xây dựng thuộc các dự án đầu tư phải gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán đến Văn phòng UBND tỉnh, hồ sơ gồm 09 bộ và được niêm phong kín từng bộ theo đúng quy định hiện hành.

b) Giám đốc Sở Xây dựng và các Sở có xây dựng chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán theo đúng các chuyên ngành xây dựng.

c) Nội dung thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán, thực hiện đúng các Điều trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999, Nghị định 12/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 và Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ; thực hiện đúng các Điều trong Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 2 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng.

d) Về thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán:

- Công trình xây dựng thuộc Dự án nhóm A không quá 45 ngày.
- Công trình xây dựng thuộc Dự án nhóm B không quá 30 ngày.
- Công trình xây dựng thuộc Dự án nhóm C không quá 20 ngày.

đ) Nếu xét thấy thật cần thiết người có thẩm quyền quyết định đầu tư sẽ chủ trì tổ chức thẩm định lại hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán công trình xây dựng đã được Sở Xây dựng và các Sở có xây dựng chuyên ngành thẩm định trước khi phê duyệt.

5.3- Người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư sẽ phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán.

6. Cấp giấy phép xây dựng:

Việc cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo Điều 39, 40, 41, 42 trong Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 09/1999/TTLT-BXD-TCĐC ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Bộ Xây dựng Tổng cục Địa chính và Quy định về phân cấp quản lý quy hoạch và xây dựng

trên địa bàn các huyện, thị xã thuộc tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 67/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 5 năm 2003 của UBND tỉnh.

Điều 5. Thực hiện đầu tư.

1. Thi công xây lắp:

1.1- Thực hiện đấu thầu và chỉ định thầu:

a) Việc đấu thầu thực hiện theo đúng các Điều trong Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định 88/1999/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 1999 và Nghị định 14/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ; Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26 tháng 5 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế đấu thầu.

b) Việc chỉ định thầu thực hiện theo đúng các Điều trong Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 và Nghị định 14/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ và các quy định cụ thể của tỉnh đã ban hành.

1.2- Trong quá trình thi công xây lắp, yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc nội dung quyết định của người có thẩm quyền đã phê duyệt. Tất cả các thay đổi so với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán đã được phê duyệt ban đầu, đều phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét và phê duyệt.

Trong trường hợp cần phải xử lý ngay để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Cho phép chủ đầu tư, đơn vị giám sát kỹ thuật và đơn vị thiết kế báo cáo Sở Xây dựng và các Sở có xây dựng chuyên ngành giải quyết theo nguyên tắc sau:

a) Những sửa đổi, bổ sung, không làm thay đổi nhiều đến tính chất kiến trúc, kết cấu của công trình, không vượt tổng dự toán đã phê duyệt.

b) Có giá trị dự toán xây lắp phần sửa đổi, bổ sung **≤ 50 triệu đồng**.

c) Trong thời gian 15 ngày làm việc yêu cầu chủ đầu tư, Sở Xây dựng và các Sở có xây dựng chuyên ngành phải báo cáo nội dung sửa đổi gửi UBND tỉnh. Chậm quá thời gian quy định coi như việc bổ sung phát sinh không được chấp nhận khi quyết toán.

d) Đối với các công trình xây dựng tổ chức đấu thầu không được áp dụng những quy định tại tiết a, b, c nêu tại mục 1.2 này.

đ) Những sửa đổi, bổ sung làm thay đổi về kiến trúc, kết cấu và có giá trị dự toán xây lắp phần bổ sung thay đổi trên **50 triệu đồng**, yêu cầu chủ đầu tư,

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các Sở có xây dựng chuyên ngành phải lập văn bản báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì mới được triển khai xây dựng.

2. Quản lý chất lượng công trình xây dựng:

2.1- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn xây dựng về khảo sát thiết kế, đơn vị tư vấn xây dựng về giám sát kỹ thuật thi công, đơn vị thi công xây lắp và các ngành chức năng của tỉnh có liên quan phải thực hiện đúng các Điều trong Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 2 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng.

2.2- Riêng cán bộ trực tiếp giám sát kỹ thuật thi công ngoài việc phải thực hiện đúng các Điều trong Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 02 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng, còn phải thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Phải liên tục có mặt tại công trình để thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát kỹ thuật thi công.

b) Phải thực hiện đúng trình tự và thủ tục quản lý chất lượng công trình về nghiệm thu kỹ thuật, đánh giá chất lượng và xác định khối lượng từng thành phần công việc của công trình xây dựng, tại các Điều trong Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 2 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng.

c) Thường xuyên báo cáo với đơn vị quản lý mình về tiến độ, chất lượng và các vấn đề cần giải quyết của công trình xây dựng do mình giám sát, để đơn vị giám sát tổng hợp báo cáo với Sở Xây dựng (là cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng), có biện pháp xử lý kịp thời, để công trình đảm bảo yêu cầu tiến độ và chất lượng kỹ thuật.

d) Nếu vi phạm các Điều 14, 15, 17, 19 trong Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 17/2000/QĐ-BXD ngày 2 tháng 8 năm 2000 của Bộ Xây dựng, thì người giám sát và đơn vị giám sát phải chịu xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại về kinh tế thì phải xử phạt: Trừ vào chi phí giám sát được hưởng theo quy định của Pháp luật.

3. Quản lý và thanh toán vốn đầu tư:

3.1- Đối với công trình xây dựng có giá từ dự toán xây lắp được duyệt từ 1 tỷ đồng (một tỷ đồng) trở lên, khi tiến hành ký kết hợp đồng thi công xây lắp giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công xây lắp, yêu cầu đơn vị thi công xây lắp phải

nộp khoản tiền bảo lãnh hợp đồng theo đúng quy định vào tài khoản của chủ đầu tư mở tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tuyên Quang, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tuyên Quang, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Tuyên Quang (đối với dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển).

3.2- Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây lắp phải lập đầy đủ thủ tục theo đúng nội dung Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước; nộp tại các cơ quan quản lý, cấp phát vốn, để tạm ứng và thanh toán cho đơn vị thi công xây lắp.

3.3- Khi đã có đủ thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành, trong thời gian 07 ngày làm việc, các cơ quan quản lý, cấp phát vốn phải thanh toán xong cho chủ đầu tư và đơn vị thi công xây lắp.

Điều 6. Kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng:

1. Nghiệm thu, bàn giao công trình:

1.1- Các công trình xây dựng chỉ được bàn giao toàn bộ cho chủ đầu tư khi đã xây lắp hoàn chỉnh, theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt; đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng và khối lượng thực tế đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

1.2- Khi bàn giao toàn bộ công trình phải giao cả hồ sơ hoàn thành (hồ sơ hoàn công) công trình, những tài liệu về các vấn đề có liên quan đến công trình được bàn giao, tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản lý, chế độ duy tu bảo dưỡng công trình.

1.3- Các hồ sơ xây dựng công trình phải được nộp lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ Nhà nước. Khi nghiệm thu, bàn giao công trình phải lập biên bản tổng nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình. Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao công trình là cơ sở pháp lý để chủ đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng và lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư.

1.4- Các công trình xây dựng xong phải được tiến hành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng ngay, không được để chậm quá 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành xây dựng công trình.

2. Vận hành, bảo hành và bảo hiểm công trình xây dựng:

2.1- Sau khi nhận bàn giao công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm khai thác, sử dụng hết năng lực công trình để phát huy hiệu quả của vốn đầu tư, chủ

đầu tư hoặc tổ chức được giao sử dụng công trình phải có trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình theo đúng quy định của Bộ Xây dựng.

2.2- Các đơn vị thi công xây lắp phải thực hiện bảo hành công trình cho các chủ đầu tư, thời gian bảo hành tính từ ngày bàn giao đưa công trình vào sử dụng cụ thể như sau:

a) Bảo hành 24 tháng đối với công trình nhóm A.

b) Bảo hành 12 tháng đối với công trình khác.

c) Mức tiền tối thiểu bảo hành xây lắp đối với công trình nhóm A là 3% giá trị xây lắp của công trình và đối với công trình khác là 5% giá trị xây lắp của công trình.

2.3- Khi tiến hành đầu tư và xây dựng, yêu cầu các chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình theo đúng quy định của Bộ Tài chính đã ban hành, các tổ chức tư vấn, nhà thầu, xây dựng phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3, bảo hiểm sản phẩm khảo sát, thiết kế trong quá trình thực hiện dự án, phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất theo đúng quy định của Bộ Tài chính đã ban hành.

3. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng:

3.1- Toàn bộ các công trình xây dựng khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng, đều phải tiến hành ngay việc lập hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo đúng nội dung quy định trong Thông tư số 70/2000/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư gửi đến Văn phòng UBND tỉnh (Đối với các Dự án đầu tư do tỉnh quản lý và phê duyệt) và gửi đến Văn phòng UBND huyện, thị xã (Đối với các Dự án đầu tư đã được phân cấp cho huyện, thị xã quản lý và phê duyệt). Hồ sơ báo cáo quyết toán được lập thành 05 bộ có giá trị như nhau.

3.2- Thời gian lập hồ sơ báo cáo quyết toán và gửi đến Văn phòng UBND tỉnh (Đối với dự án đầu tư do tỉnh quản lý và phê duyệt) và Văn phòng UBND các huyện, thị xã (Đối với các dự án đầu tư đã được phân cấp cho huyện, thị xã quản lý và phê duyệt) cụ thể như sau:

a) Không quá 9 tháng đối với Dự án nhóm A.

b) Không quá 6 tháng đối với Dự án nhóm B và C.

c) Không quá 3 tháng đối với các dự án có những hạng mục công trình có thể đưa khai thác, sử dụng độc lập.

d) Ngay trong ngày chủ đầu tư nộp cho Văn phòng UBND tỉnh hoặc Văn phòng UBND huyện, thị xã; yêu cầu các cơ quan thẩm tra quyết toán của tỉnh đến nhận hồ sơ quyết toán tại Văn phòng UBND tỉnh để tổ chức thẩm tra, các Phòng Tài chính huyện đến nhận hồ sơ quyết toán tại Văn phòng UBND huyện, thị xã, để tổ chức thẩm tra.

3.3- Thời gian thẩm tra quyết toán của các cơ quan thẩm tra quyết toán của tỉnh và các Phòng Tài chính Huyện, Thị xã cụ thể như sau:

- a) Không quá 4 tháng đối với Dự án nhóm A.
- b) Không quá 2 tháng đối với Dự án nhóm B.
- c) Không quá 1 tháng đối với Dự án nhóm C.

3.4- Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của Dự án:

- a) Không quá 1 tháng đối với Dự án nhóm A.
- b) Không quá 15 ngày đối với Dự án nhóm B và C.

3.5- Khi thẩm tra quyết toán chủ đầu tư có trách nhiệm trực tiếp báo cáo giải trình trước cơ quan thẩm tra quyết toán và cơ quan thẩm tra quyết toán không được trực tiếp làm việc với các đơn vị thi công xây lắp.

3.6- Nếu để chậm quyết toán quá thời gian quy định trên thì cơ quan, đơn vị và cá nhân nào gây nên đều phải xử phạt về kinh tế theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Về giao nhận hồ sơ theo cơ chế 1 cửa

Về giao nhận hồ sơ gồm: Hồ sơ quy hoạch chung thị xã và thị trấn; hồ sơ Dự án đầu tư, hồ sơ tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng các dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán, hồ sơ quyết toán các công trình xây dựng thuộc các dự án đầu tư do tỉnh quản lý, được thực hiện cụ thể như sau:

1. Khi giao nhận hồ sơ thực hiện theo phương thức tay ba gồm: Văn phòng UBND tỉnh, các ngành chức năng của tỉnh và chủ đầu tư (để giảm việc đi lại nhiều lần của chủ đầu tư do hồ sơ thiếu hoặc chưa đảm bảo theo quy định hiện hành). Trong thời gian giao nhận không quá 01 ngày, các ngành chức năng của tỉnh phải kiểm tra ngay tại chỗ nếu đủ thủ tục hồ sơ thì nhận, nếu chưa đủ thì trả lại ngay cho chủ đầu tư.

2. Thời gian và địa điểm giao hồ sơ vào các ngày thứ 2 và ngày thứ 5 hàng tuần vào giờ làm việc, tại Văn phòng UBND tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các chủ đầu tư và các ngành chức năng của tỉnh bố trí người nộp và người nhận theo đúng thời gian và địa điểm quy định trên.

Chương III **THANH TRA KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 8. Thanh tra, kiểm tra các hoạt động đầu tư và xây dựng.

1. Tất cả các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn xây dựng về khảo sát thiết kế, các đơn vị tư vấn xây dựng về giám sát kỹ thuật thi công, các đơn vị thi công xây lắp và các ngành chức năng của tỉnh được giao tổ chức thẩm định và thẩm tra, trên địa bàn tỉnh đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng của Nhà nước theo từng lĩnh vực quản lý về đầu tư và xây dựng.

2. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về thanh tra và kiểm tra của Nhà nước đã ban hành.

Điều 9. Xử lý vi phạm.

1. Các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn xây dựng về khảo sát thiết kế, các đơn vị tư vấn xây dựng về giám sát kỹ thuật thi công, các đơn vị thi công xây lắp, các ngành chức năng của tỉnh được giao tổ chức thẩm định, thẩm tra; trong quá trình thực hiện nếu vi phạm quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về kinh tế thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Các chủ đầu tư và các ngành chức năng có liên quan của tỉnh, khi lập và thẩm định các dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán, quyết toán vốn đầu tư; nếu có vi phạm các quy định về thời gian, được xử lý như sau:

2.1- Nếu trễ chậm từ 15 đến 30 ngày thì trừ 50% chi phí quản lý, thẩm định và thẩm tra đã được phê duyệt.

2.2- Nếu trễ chậm trên 30 ngày thì trừ 100% các chi phí quản lý, thẩm định và thẩm tra đã được phê duyệt.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Giám đốc các ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Sở Công nghiệp - Thủ công nghiệp, Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang, Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển Tuyên Quang, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Tuyên Quang; theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành được giao, để theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn xây dựng về khảo sát thiết kế, các đơn vị tư vấn xây dựng về giám sát kỹ thuật thi công, các đơn vị thi công xây lắp; UBND các huyện, thị xã; tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định trình tự đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 11. Xử lý các dự án đầu tư dở dang: Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đã được thẩm định và trình duyệt trước ngày 01 tháng 6 năm 2003 nhưng chưa được phê duyệt thì vẫn thực hiện theo Quy định trình tự đầu tư và xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 406/2002/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 2002 của UBND tỉnh, không phải thẩm định và trình duyệt lại; các nội dung công việc tiếp theo của dự án đầu tư thực hiện theo Quy định này.

Điều 12. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2003.

Quy định này thay thế Quy định trình tự đầu tư và xây dựng thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 406/2002/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 2002 của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu Sở Xây dựng tổng hợp và lập thành văn bản báo cáo UBND tỉnh xem xét bổ sung điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hà Phúc Mịch